

Số: 46/2025/QĐST-DS

TP .T, ngày 08 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 210/2024/TLST- DS ngày 08 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: B - B N, phường V, Quận C, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Lê Thị H - Chức vụ: Kiểm soát viên tín dụng chi nhánh T3.

- **Bị đơn:** 1. Bà Lê Thị T, sinh năm 1950;

2. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1950;

Người đại diện theo ủy quyền cho ông T1: Bà Lê Thị T, sinh năm 1950;

Cùng nơi ĐKKHKT: Tổ A, ấp P, xã T, thị xã B, tỉnh B

Cùng nơi ở hiện nay: Phố N, phường T, thành phố T, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Văn T2, sinh năm 1991;

Người đại diện theo ủy quyền cho anh T2: Bà Lê Thị T, sinh năm 1950;

Cùng nơi ĐKKHKT: Tổ A, ấp P, xã T, thị xã B, tỉnh B

Cùng nơi ở hiện nay: Phố N, phường T, thành phố T, tỉnh T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc ký kết hợp đồng:

Ngân hàng TMCP S đã cho bà Lê Thị T, ông Lê Văn T1 vay theo Hợp đồng tín dụng số LD193220490 ký ngày 18/11/2019 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 01/ LD193220490 ký ngày 19/11/2021 với nội dung chi tiết như sau: Số tiền vay gốc: 240.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh

doanh tạp hóa; Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 1,15%/tháng. Lãi suất cho vay trên được cố định trong 03 tháng đầu tiên kể từ ngày nhận tiền vay, lãi suất từ tháng thứ 04 được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng VNĐ lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP S cộng biên độ 0,59%/tháng, điều chỉnh 03 tháng/lần; Phương thức thanh toán: Trả lãi hàng tháng theo dư nợ giảm dần, vốn gốc trả vào cuối kỳ.

2.2. Về số tiền nợ: Tính đến ngày 15/3/2024 bà T, ông T1 còn nợ là 185.975.178 đồng (Một trăm tám lăm triệu chín trăm bảy lăm nghìn một trăm bảy tám đồng). Trong đó: Nợ gốc: 140.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 2.859.525 đồng; Nợ lãi quá hạn: 43.115.653 đồng.

Hai bên thống nhất được phương án thanh toán nợ như sau: Chậm nhất ngày 15/3/2025, bà Lê Thị T và ông Lê Văn T1 sẽ thanh toán toàn bộ khoản nợ trên cho Ngân hàng TMCP S. Đồng thời tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP S theo Hợp đồng tín dụng số LD193220490 ký ngày 18/11/2019 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 01/ LD193220490 ký ngày 19/11/2021, tiền lãi phát sinh được tính từ ngày từ ngày 16/3/2024 cho đến khi trả xong tất cả các khoản nợ cho Ngân hàng.

2.4. Trường hợp bà T và ông T1 thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ theo thỏa thuận trên thì Ngân hàng có quyền làm đơn ra cơ quan Thi hành án có thẩm quyền để thi hành tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành: BM 180714, sổ vào sổ cấp giấy: CH 01271, nơi cấp: Ủy ban nhân dân thị xã B, ngày cấp: 07/02/2013, diện tích: 233 m², tại địa chỉ: Ấp P, xã T, thị xã B, tỉnh B, sổ đứng tên hộ bà Lê Thị T. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 6166/TC ngày 20/11/2019, được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng: 011660 quyền số 01/2019TP/CC-SCC/HĐGD.

3. Về án phí: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Lê Thị T và ông Lê Văn T1 không phải chịu án phí, tuy nhiên bà Lê Thị T và ông Lê Văn T1 vẫn phải chịu thay phần án phí của Ngân hàng TMCP S phải chịu là 2.325.000 đồng (Hai triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh B theo biên lai thu tiền số 0002120 ngày 28/3/2024.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. T;
- Chi cục THADS thị xã B, tỉnh B;
- Chi cục THADS TP. T, tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Linh